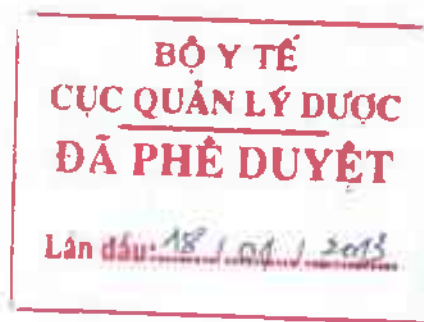


32/80g
(200/80)



120X70mm

Rx Thuốc bán theo đơn

Aminol 12X Injection "S.T."

200ml

Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch
Thành phần: Mỗi ml có chứa



L-Isoleucine	5.97 mg	L-Alanine	8.21 mg
L-Leucine	11.38 mg	L-Aspartic Acid	2.02 mg
L-Lysine HCl	9.80 mg	L-Glutamic Acid	1.02 mg
L-Methionine	4.33 mg	L-Proline	10.63 mg
L-Phenylalanine	6.74 mg	L-Serine	4.67 mg
L-Tryptophan	1.87 mg	Glycine	15.68 mg
L-Threonine	5.04 mg	Xylitol	50.00 mg
L-Valine	6.80 mg	Tổng lượng acid amin	120.00 mg
L-Cystine	0.23 mg	Tổng lượng nước	18.15 mg
L-Tyrosine	0.57 mg	Chất điện giải Na ⁺	0.15 mEq
L-Arginine HCl	14.88 mg	Cl ⁻	0.15 mEq
L-Histidine HCl	7.06 mg	pH	5.0 - 7.0

INDICATIONS, DOSAGE & ADMINISTRATION
CONTRAINDICATIONS AND OTHER INFORMATION:
Please see the accompanying leaflet.
CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG & CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xem xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.
STORAGE: Store below 30°C
BẢO QUẢN: Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C

ĐỂ XATẦM TAY TRẺ EM. KEEP OUT OF THE REACH OF CHILDREN.
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG. CAREFULLY READ THE ACCOMPANYING LEAFLET BEFORE USE.



Nhà sản xuất (Manufacturer):
TAIWAN BIOTECH CO., LTD.
22, Chieh-Shou Rd., Tainan City, Tainan Hsien, Taiwan, R.O.C.

DNKC

Số K (Mg/Me)
Số B SX (L/S/No.)
NSX (Mg/Date)
HD (Exp/Date)



Rx Thuốc bán theo đơn **500ml**

Aminol 12X

INJECTION "S.T."

7 71916 001963

Dạng dịch tiêm truyền tĩnh mạch

Thành phần	Mỗi ml có chứa
L-Isoleucine	5.97 mg
L-Leucine	11.36 mg
L-Lysine HCl	9.80 mg
L-Methionine	4.33 mg
L-Phenylalanine	8.74 mg
L-Tryptophan	1.87 mg
L-Threonine	5.04 mg
L-Valine	8.90 mg
L-Cysteine	0.23 mg
L-Tyrosine	0.57 mg
L-Arginine HCl	14.88 mg
L-Histidine HCl	7.06 mg
L-Alanine	8.21 mg
L-Aspartic Acid	2.02 mg
L-Glutamic Acid	1.02 mg
L-Proline	10.63 mg
L-Serine	4.67 mg
Glucose	15.68 mg
Xystitol	50.00 mg
Tổng lượng acid amin	120.00 mg
Tổng lượng natri	18.15 mg
Chức điện giải Na ⁺	0.15 mEq
Cl ⁻	0.15 mEq
pH	5.0 - 7.0

DNKK

 NHÀ SẢN XUẤT (Manufacturer)
TANMIN BIOTECH CO., LTD
22, Chien-Shou Rd., Taoyuan City, Taoyuan Hsien, Taiwan, R.O.C.

INDICATIONS, DOSAGE & ADMINISTRATION, CONTRAINDICATIONS AND OTHER INFORMATION: see the accompanying leaflet

CHỈ ĐỊNH, LIỀU DÙNG & CÁCH DÙNG, CHỐNG CHỈ ĐỊNH VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC: Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo

STORAGE: Store below 30°C

BAO QUẢN: Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C

KEEP OUT OF THE REACH OF CHILDREN. CAREFULLY READ THE ACCOMPANYING LEAFLET BEFORE USE. ĐỂ XA TẦM TAY TRẺ EM. ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

ĐKKK (Med No.):
Số tờ kê (Lot No.):
NLS (Mfg Date):
HĐ (Exp Date):



Luong Shu

200/80b51



AMINOL 12X INJECTION “S.T.”

Aminol 12X Injection “S.T.” là một sản phẩm dinh dưỡng có nồng độ cao và liều nhỏ, đã được khuyến cáo thông qua các kết quả thực nghiệm sinh hóa và lâm sàng.

Aminol 12X Injection “S.T.” bao gồm 18 acid amin thiết yếu và không thiết yếu với tỷ lệ E/N lý tưởng, cân bằng acid và kiềm, với Xylitol là một nguồn bổ sung calo. Thuốc phù hợp cho bệnh nhân có nhu cầu lâm sàng khẩn cấp hoặc những người cần được bổ sung dinh dưỡng thông qua tĩnh mạch chủ trên.

【Thành phần】

Mỗi chai 200ml có chứa:

L-Isoleucine	1.194 mg	L-Arginine HCl	2.976 mg
L-Leucine	2.276 mg	L-Histidine HCl	1.412 mg
L-Lysine HCl	1.960 mg	L-Alanine	1.642 mg
L-Methionine	866 mg	L-Aspartic Acid	404 mg
L-Phenylalanine	1.948 mg	L-Glutamic Acid	204 mg
L-Threonine	1.008 mg	Glycine	3.136 mg
L-Tryptophan	374 mg	L-Proline	2.126 mg
L-Valine	1.380 mg	L-Serine	934 mg
L-Cystine	46 mg	Xylitol	10.000 mg
L-Tyrosine	114 mg	Tổng lượng acid amin	12% kl/tt

Mỗi chai 500ml có chứa:

L-Isoleucine	2.985 mg	L-Arginine HCl	7.440 mg
L-Leucine	5.690 mg	L-Histidine HCl	3.530 mg
L-Lysine HCl	4.900 mg	L-Alanine	4.105 mg
L-Methionine	2.165 mg	L-Aspartic Acid	1.010 mg
L-Phenylalanine	4.870 mg	L-Glutamic Acid	510 mg
L-Threonine	2.520 mg	Glycine	7.840 mg
L-Tryptophan	935 mg	L-Proline	5.315 mg
L-Valine	3.450 mg	L-Serine	2.335 mg
L-Cystine	115 mg	Xylitol	25.000 mg
L-Tyrosine	285 mg	Tổng lượng acid amin	12% kl/tt

Chất điện giải: Na⁺: 150mEq/L, Cl⁻: 150mEq/L; Tổng lượng Nitơ: 18.15 g/L

Đặc điểm: Dung dịch trong, không màu tới màu vàng nhạt; pH: 5,0 ~ 7,0

Tá dược: Natri Bisulfit, Natri acetat khan, Natri hydroxid, L-Cysteine. HCl, Nước cất pha tiêm.

【Dược lực học】

Aminol 12X Injection “S.T.” chứa các acid amin có trong thành phần của sữa mẹ. Tỷ lệ của các acid amin thiết yếu và không thiết yếu (E/N) là 1:1. Về khía cạnh các acid amin thiết yếu, thuốc chứa các acid amin

thiết yếu theo tỷ lệ như trong sữa mẹ. Về khía cạnh các acid amin không thiết yếu, nó không chỉ chứa các acid amin có trong sữa mẹ, nhưng vẫn liên quan đến tỷ lệ E/N, và có sự điều chỉnh thích hợp dựa trên tầm quan trọng của mỗi acid amin, để duy trì sự cân bằng và tỷ lệ sử dụng hợp lý các acid amin trong máu và làm giảm bớt sự thiếu cân bằng nitơ.

Aminol 12X Injection "S.T." tăng tỷ lệ sử dụng các acid amin với Xylitol. Xylitol là một nguồn năng lượng trong quá trình tổng hợp protein, và ngăn cản sự tạo ketone, vì vậy nó có thể sử dụng cho bệnh nhân tiểu đường.

Aminol 12X Injection "S.T." chứa cùng nồng độ Na^+ và Cl^- , do đó có sự cân bằng các chất điện giải.

【Dược động học】

Thuốc nhanh chóng hấp thu qua đường truyền tĩnh mạch và được phân bố toàn thân.

Thuốc được chuyển hoá ở gan dưới dạng chất chuyển hoá kết hợp và được bài tiết qua nước tiểu.

【Chỉ định】

Hỗ trợ điều trị cho bệnh nhân không thể ăn thức ăn bằng đường miệng, bị tắc nghẽn chức năng tiêu hóa và hấp thu và tổng hợp protein; bổ sung protein cho chấn thương nghiêm trọng, bỏng và gãy xương, bị loạn dưỡng do ăn ít protein.

【Liều lượng và cách dùng】

1. Tiêm truyền tĩnh mạch nhỏ giọt: 200 ml/ lần; tốc độ truyền cơ sở là 200 ml / 120 phút.
2. Tiêm truyền tĩnh mạch thông qua tĩnh mạch chủ trên: Có thể dùng cùng với glucose, thông qua nhỏ giọt duy trì trong 24 giờ.
3. Nên điều chỉnh liều tùy theo tình trạng lâm sàng.
4. Chỉ được dùng thuốc này theo chỉ định của bác sỹ.

【Chống chỉ định】

Bệnh nhân bị bệnh não gan hoặc nitr huyết nghiêm trọng

Bệnh nhân bị dị ứng với sulfit vì trong thành phần có chứa Natri bisulfit.

Chống chỉ định với người mẫn cảm với các thành phần của thuốc.

【Thận trọng】

(1) Thận trọng chung:

Thuốc chứa cùng một lượng ion Na^+ và Cl^- . Cần đặc biệt chú ý đến cân bằng điện giải khi dùng cùng với một lượng đáng kể chất điện giải khác.

(2) Sử dụng thận trọng với các bệnh nhân sau:

Cần chú ý liều dùng và tốc độ tiêm truyền cho bệnh nhân bị bệnh gan hoặc bệnh thận.

(3) Thận trọng khi dùng:

- 1) Các dung dịch tiêm truyền chứa Xylitol, khi truyền thuốc nhanh với với lượng đáng kể sẽ gây tổn thương gan và thận. Liều dùng Xylitol cho người lớn không được quá 100g/ ngày, và tốc độ tiêm truyền không được quá 0,3g/ kg/ giờ.
- 2) Cần giảm tốc độ tiêm truyền khi xảy ra buồn nôn hoặc nôn.
- 3) Khi tiêm truyền thuốc trong thời tiết lạnh, cần làm ấm dung dịch thuốc tới nhiệt độ cơ thể.

- 4) Thuốc ưa dùng cùng với glucose.
- 5) Dùng thuốc ngay sau khi mở nắp. Loại bỏ phần dung dịch thừa sau khi dùng.
- 6) Khi vận chuyển, các chai thuốc có thể bị rạn nứt, hở, hoặc mất nút do rung lắc. Không dùng các chai thuốc có tình trạng đó.
- 7) Không dùng nếu dung dịch thuốc không trong suốt, biến màu, có vẩn hoặc các tình trạng bất thường khác

【Sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú】

- 1) Độ an toàn của Aminol 12X Injection “S.T.” trong thời kỳ mang thai chưa được thiết lập. Vì vậy chỉ sử dụng thuốc này cho phụ nữ mang thai hoặc nghi ngờ mang thai khi lợi ích mong đợi cao hơn hẳn các nguy cơ có thể xảy ra.
- 2) Độ an toàn của Aminol 12X Injection “S.T.” trong thời kỳ cho con bú chưa được thiết lập, do đó không khuyến cáo dùng thuốc này cho phụ nữ cho con bú. Ngừng cho con bú khi cần phải dùng Aminol 12X Injection “S.T.”.

【Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc】

Không.

【Tương tác thuốc】

- 1) Không nên pha trộn thuốc này với các thuốc khác vì có thể làm tăng nguy cơ nhiễm khuẩn, bất tương hợp.
- 2) Không cho thiamin (vitamin B1) vào cùng với dung dịch này để tránh bị phân hủy, do Natri disulfite rất dễ sinh phản ứng với vitamin B1.

【Tác dụng phụ】

- 1) Hệ tiêu hóa:
Buồn nôn hoặc nôn. Đôi khi có thể bị chướng bụng.
- 2) Phản ứng quá mẫn:
Hiếm khi gặp triệu chứng của phản ứng quá mẫn là phát ban khi dùng truyền thuốc.
- 3) Khác:
Đau mạch máu, cảm giác nóng người, đỏ bừng mặt, đau đầu, tăng huyết áp và mệt mỏi.
Ghi chú: Thông báo cho bác sỹ các tác dụng ngoại ý gặp phải trong quá trình sử dụng thuốc.

【Quá liều】

Trong trường hợp thừa dịch hoặc quá tải chất tan, cần đánh giá lại tình trạng của bệnh nhân và đưa ra biện pháp điều chỉnh thích hợp.

■ **ĐÓNG GÓI:**

Chai thủy tinh 200 ml, Chai thủy tinh 500 ml

■ **ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN:** Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C

■ **HẠN DÙNG:** 3 năm kể từ ngày sản xuất



PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thanh

- ☞ THUỐC NÀY CHỈ ĐƯỢC BÁN THEO ĐƠN CỦA THẦY THUỐC.
- ☞ TRÁNH XA TÂM TAY CỦA TRẺ EM.
- ☞ ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
- ☞ NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SỸ.
- ☞ KHÔNG ĐƯỢC DÙNG THUỐC QUÁ HẠN SỬ DỤNG.

■ SÓ ĐĂNG KÝ: VN-

■ NHÀ SẢN XUẤT:



TAIWAN BIOTECH CO., LTD.
22, CHIEH-SHOU ROAD, TAOYUAN, TAIWAN, R.O.C.
TEL: 886-3-3612131 FAX: 886-3-3670029

Handwritten signature

Handwritten mark

Handwritten mark